1 Introduction

2 Overview History

3 Overview Dataset

Nói về context và sơ lược về thông tin, quy mô của bộ dữ liệu.

3.1 data1

3.2 data2

...

4 Analysis

Các thông tin ở từng mục sẽ được nói kĩ nhưng không đi sâu vào từng bộ dữ liệu mà mang tính tổng quát, sau đó thống kê vào bảng. Thông tin trên bảng sẽ được điền dạng kí hiệu hoặc yes/no, sau đó chú thích bên dưới.

4.1 Characteristic

Nói về đặc điểm hiện có của các bộ dữ liệu theo các yếu tố trong bảng bên dưới.

Bång 1: Action recognition dataset

tên | phân loại(như trong sheet) temporal spatial classification-only Focus on (scale/diverse class ...)

4.2 Data collection method

Thảo luân 3 mục :

- Build Action class list : Dùng các công trình nghiên cứu về ngôn ngữ / Tự tiến hành nghiên cứu / Sử dụng nguồn từ dataset trước đó có/không bổ sung thêm .
- \bullet Collect video : Từ Internet / Tự quay.
- Annotation : Tự động / Thủ công / Bán tự động.

Bảng dự kiến :

Bång 2: Action recognition dataset

tên pp tạo act list nguồn vid pp anno các tool anno được sử dụng

4.3 Data statistic

Phần này chưa biết phải viết gì nhiều, có thể giải thích tại sao một số data không công bố test anno.

Bảng dự kiến:

Bång 3: Action recognition dataset

tên | numclass train val test duration/sample

4.4 Benchmark and metric

Phần này cũng chưa biết viết gì.

Bảng dự kiến:

Bång 4: Action recognition dataset

tên benchmark metric eval protocol

4.5 state of the art method result

Chưa biết viết gì

Bång 5: Action recognition dataset

tên SOTA method result metric eval Protocol

4.6 Discussion

Chỉ vừa nghĩ ra được một mục

4.6.1 Limitations of current datasets

Thuyết minh + đưa ra dẫn chứng cụ thể.

- Những data cũ :
 - Data : Quy mô nhỏ, đơn giản.
 - Staturation : sota method đạt ngưỡng rất cao.
- $\bullet\,$ Những data mới :
 - Annotation : vẫn còn nhiều nhiễu/thiếu chính xác.
 - Data : Chất lượng phân giải / thiếu ổn định (bị gỡ bỏ, không thể tiếp cận).

5 Conclusion

6 References